

Số: 451 /QĐ-CĐYT

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo Ngành, nghề: Dược trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ LẠNG SƠN

Căn cứ Quyết định số 5354/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Thành lập Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn trên cơ sở trường Trung học Y tế;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-CĐYT ngày 18/9/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội V/v Ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Kết quả họp Hội đồng thẩm định các mô đun (môn học) thuộc chương trình đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn đã được biểu quyết thông qua;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định nhận xét Chương trình đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Chương trình đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng (có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn bắt đầu từ năm học 2019 - 2020.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế, các Bộ môn và đơn vị có liên quan thuộc Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



Trịnh Thị Xuân Quỳnh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 451/QĐ-CĐYT, ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn)

Tên ngành, nghề: Dược

Mã ngành, nghề: 6720201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược - trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ nhân dân, hướng đến hội nhập khu vực và quốc tế.

Người Dược thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược.

- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam.

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;

- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;

- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;

- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);

- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;

- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;

- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.

- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng

- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp

- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;

- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;

- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;

- Phân tích được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.

- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định
 - Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
 - Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;
 - Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
 - Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;
 - Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
 - Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
 - Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
 - Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sĩ hoặc bác sĩ;
 - Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lề, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
 - Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;

- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
 - Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;
 - Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm – thực phẩm;
 - Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;
 - Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc – mỹ phẩm – thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;
 - Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;
 - Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
 - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Đảm bảo chất lượng;
- Bán lẻ thuốc;
- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;
- Thủ kho dược và vật tư y tế;
- Kinh doanh dược phẩm;
- Sản xuất thuốc;
- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 139 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (thực học: 412 giờ, kiểm tra: 23 giờ)
 - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.760 giờ (thực học: 2.708 giờ, kiểm tra: 52 giờ)
 - Khối lượng lý thuyết: 980 giờ; Thực hành, thực tập: 2.140 giờ ; Kiểm tra: 75 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1. Danh mục các môn học, mô đun chương trình đào tạo:

Mã môn học/mô đun	Tên môn học/mô đun	Số Tín chỉ (LT/TH)	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng Số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập	Kiểm tra
I	Các môn học/mô đun chung	19 (11/8)	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	4(3/1)	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2(2/0)	30	18	10	2

MĐ 03	Giáo dục thể chất	2(0/2)	60	05	51	4
MĐ 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3(2/1)	75	36	35	4
MĐ 05	Tin học	3(1/2)	75	15	58	2
MH 06	Tiếng anh	5 (3/2)	120	42	72	6
II	Các môn học/mô đun chuyên ngành, nghề					
II.1	Môn học/mô đun cơ sở	22 (15/7)	435	219	205	11
MH 07	Xác suất, Thống kê y học	2 (2/0)	30	29	0	1
MH 08	Sinh học và Di truyền	2 (2/0)	30	29	0	1
MĐ 09	Hóa học đại cương - vô cơ	2 (2/0)	30	29	0	1
MĐ 10	Giải phẫu - Sinh lý	4 (1/3)	105	15	88	2
MH 11	Hoá sinh	2 (2/0)	30	29	0	1
MĐ 12	Vi sinh - Ký sinh trùng	2 (1/1)	45	15	29	1
MH 13	Pháp luật và Tổ chức Y tế	2 (2/0)	30	29	0	1
MĐ 14	Hoá hữu cơ	2 (1/1)	45	15	29	1
MĐ 15	Hóa phân tích	4 (2/2)	90	29	59	2
II.2	Môn học/mô đun chuyên ngành	39 (16/23)	1.065	236	795	19
MĐ 16	Thực vật	5 (3/2)	105	44	59	2
MĐ 17	Bào chế	6 (3/3)	135	44	88	3
MĐ 18	Hóa dược	5 (2/3)	120	30	88	2
MĐ 19	Kiểm nghiệm	5(2/3)	120	29	88	3
MĐ 20	Dược lý	5(3/2)	105	44	58	3
MĐ 21	Dược liệu	5 (3/2)	120	45	58	2
MH 22	Thực tế ngành	8 (0/8)	360	0	356	4
II.3	Môn học/mô đun bổ trợ đặc thù	59 (33/26)	1.275	368	885	22
MĐ 23	Dược lâm sàng	6 (2/4)	210	30	178	2
MĐ 24	Dược học cổ truyền	4 (2/2)	90	30	58	2
MH 25	Quản lý tồn trữ, phân phối thuốc	2 (2/0)	30	28	0	2
MĐ 26	Bệnh học	5 (4/1)	90	59	29	2
MH 27	Kinh tế Dược	3 (3/0)	45	44	0	1
MH 28	Pháp chế Dược	3(3/0)	45	44	0	1
MH 29	Marketing Dược	4 (2/2)	90	30	58	2

MH 30	Quản trị kinh doanh Dược	3 (3/0)	45	43	0	2
MĐ 31	Thực hành tốt nhà thuốc (GPP)	7 (1/4)	195	15	178	2
MH 32	Kỹ năng giao tiếp, bán hàng	2 (1/1)	45	15	28	2
	Nhóm tự chọn 1					
MĐ 33	Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)	5 (1/4)	195	15	178	2
	Nhóm tự chọn 2					
MĐ 34	Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc (GLP)	5 (1/4)	195	15	178	2
Tổng		139 (75/64)	3.195	980	2.140	75

3.2. Chương trình chi tiết các môn học, mô đun:

(Có chương trình chi tiết các môn học, mô đun kèm theo)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo:

4.1. Thực hiện chương trình các môn học, mô đun:

- Đối với các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng và ban hành.

- Đối với các môn học, mô đun chuyên môn: Thực hiện theo chương trình do nhà trường xây dựng.

- Khung thời gian khóa học:

Học kỳ chính	Thực học	Thi học kỳ	Nghỉ Lễ/Tết	Nghỉ Hè	Lao động	Dự phòng	Xét tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp	Tổng số
I	18	3	3		1	1		26
II	16	3		6		1		26
III	18	3	3		1	1		26
IV	16	3		6		1		26
V	18	3	3		1	1		26
VI	18	3				1	4	26
Tổng cộng	104	18	9	12	3	6	4	156

Ghi chú: Mỗi năm học có 2 học kỳ chính, ngoài các học kỳ chính hiệu trưởng sẽ xem xét để quyết định bố trí thêm học kỳ thứ 3 (học kỳ phụ) vào trong thời gian hè.

4.2. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

S TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày; các ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật.
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày
3	-Hoạt động thư viện: -Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt ngoại khóa vào các ngày thứ 7, chủ nhật và thời điểm thích hợp nhân dịp các ngày Lễ, ngày kỷ niệm trong năm.

4.3. Hướng dẫn tổ chức thi hết môn học, mô đun:

- Các mô đun gồm lý thuyết, thực hành và tích hợp.
- Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại bệnh viện, cộng đồng, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

- Khi tổ chức dạy học, đảm bảo nguyên tắc mỗi tín chỉ đảm bảo tối thiểu $\frac{1}{2}$ ngày ôn tập cho các mô đun (môn học) lý thuyết hoặc thực hành tại trường.

Thời gian tổ chức thi hết môn học, mô đun được bố trí vào cuối mỗi học kỳ, có thể bố trí thi sau khi kết thúc môn học, mô đun nhưng sớm nhất sau khi kết thúc môn học, mô đun ít nhất 1 tuần. Lịch thi được thông báo cho sinh viên trước khi kỳ thi ít nhất 4 tuần đối với kỳ thi chính, ít nhất 1 tuần đối với kỳ thi phụ.

Điều kiện thi kết thúc môn học, mô đun, hình thức thi, thời gian làm bài cho mỗi môn học, mô đun được quy định cụ thể trong chương trình chi tiết của môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

4.4.1. Người học đã học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được thì được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1- Tích lũy đủ số môn học, mô đun theo quy định trong chương trình đào tạo;

2- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

3- Không trong thời gian: Bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

4- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

4.4.2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4.4.3. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo đúng quy định hiện hành.



Trịnh Thị Xuân Quỳnh